

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HC-PT

Ngày: 29-3-2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân
Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 346/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê N, sinh năm 1943; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài P, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ B, khối N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn N1 – Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: 2 Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường S – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh L – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh L – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

1. Ông Vương Quốc H – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Thanh H1 – Chủ tịch UBND phường C, thành phố H tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Lê Hoài P trình bày:

Vào năm 1997, thửa đất ở của gia đình ông Lê N bị sạt lở một phần nên được UBND thị xã H (nay là thành phố H) di dời gia đình ông đi và giao cho ông thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 198,9m² để ông làm nhà ở nhằm ổn định cuộc sống. Sau đó, ngày 31/12/1999, UBND phường C cùng cán bộ kỹ thuật của Sở địa chính (nay là Sở T) và ông Lê N đã lập biên bản xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất nói trên. Đến ngày 12/12/2005, UBND thị xã H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 399551 đối với thửa đất nêu trên, diện tích 198,9m² cho ông.

Tuy nhiên, đến ngày 18/01/2007, UBND thị xã H ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông với lý do diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông trùng với diện tích đất đã được giao cho hộ sử dụng liền kề.

Không đồng ý với việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông đã khiếu nại và Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 không chấp nhận khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã H đến Chủ tịch UBND tỉnh Q để được giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 12/7/2022, thi hành Bản án số 27/2022/HC-ST ngày 04/5/2022 của TAND tỉnh Quảng Nam về việc “Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q giao Quyết định số 252/QĐUBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải

quyết khiếu nại của ông Lê N”, Ban tiếp công dân tỉnh Quảng Nam đã giao cho ông Lê N Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 (bản photo có chứng thực ngày 11/7/2022).

Qua nghiên cứu ông nhận thấy Quyết định giải quyết khiếu nại số 252/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không phù hợp với thực tế và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

Bởi việc UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 399551 ngày 12/12/2005 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 198,9m² cho ông Lê N là đúng pháp luật, phù hợp với quá trình giao đất, quản lý sử dụng thực tế thửa đất nói trên. Tại Quyết định 252/QĐ-UBND cho rằng đã cấp nhầm 64,6m² đất nằm trong phần diện tích đất của ông Nguyễn Tấn C cho ông là không đúng với thực tế. Vì theo trình tự thời gian, diễn biến quá trình giao đất, quản lý sử dụng đất thì thực tế UBND tỉnh Q đã lấy phần diện tích đất 64,6m² đã giao cho ông từ năm 1997 và sau đó giao tiếp cho ông C vào năm 2003.

Cụ thể: Từ năm 1997 thực hiện chủ trương giao đất để ông làm nhà ở theo diện sạt lở, UBND thị xã H và UBND phường C đã giao thửa đất nói trên cho ông. Sau khi ông làm nhà ở được 02 năm, đến ngày 31/12/1999, Sở địa chính tỉnh Q cùng với chính quyền địa phương cũng đã lập biên bản xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33 thể hiện cụ thể các cạnh thửa đất rất rõ ràng, có các chủ sử dụng đất liền kề ký tứ cận trong đó có UBND phường C và tại Biên bản này đã xác định hiện trạng ranh giới sử dụng đất theo sơ đồ đo vẽ là đúng và không có tranh chấp. Quá trình quản lý sử dụng thửa đất này đến ngày 05/8/2000 ông đã làm Đơn đăng ký nhà ở và đất ở được khối phố và UBND phường C ký xác nhận để ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mãi đến ngày 12/12/2005 ông mới được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AD 399551 đối với thửa đất nêu trên có hình thể và diện tích phù hợp với thực tế hiện trạng sử dụng đất của ông từ năm 1997 và Biên bản xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất do Sở địa chính lập ngày 31/12/1999, diện tích thửa đất này (198,9m²) là nằm trong hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh Q lúc bấy giờ.

Mặc dù, toàn bộ diện tích đất nêu trên gia đình ông đang trực tiếp sử dụng từ năm 1997 nhưng không hiểu vì sao đến năm 2003 UBND tỉnh Q lại lấy 64,6m² nằm trong 198,9m² đất nêu trên cấp cho ông Nguyễn Tấn C. Thực tế, toàn bộ diện tích đất từ trước đến nay không hề có ông Nguyễn Tấn C nào quản lý sử dụng mà người trực tiếp quản lý sử dụng là ông, trên đất đang tồn tại nhà cửa, vật kiến trúc của gia đình ông từ năm 1997 cho đến nay.

Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Q không công nhận nội dung khiếu nại của ông đối với Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch UBND thị xã H là không phù hợp với thực tế, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Do đó, ông Lê N khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hội Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần hai);

- Hội Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu);

- Hội Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N.

Tại phiên đối thoại, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố H trình bày:

Đối với các nội dung yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch UBND thị xã H (nay là thành phố H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu) và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND thị xã H (nay là thành phố H) về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Công dân đã có đơn khiếu nại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND thị xã H (nay là thành phố H) về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, theo đó không chấp nhận đơn khiếu nại. Như vậy, khiếu nại của công dân đã được Chủ tịch UBND thành phố giải quyết đảm bảo theo quy định của pháp luật, nội dung khởi kiện của công dân là không có cơ sở để xem xét.

Năm 1997, khi Hội đồng xét cấp đất xã C xem xét giao đất cho ông Lê N diện tích 84m², trong quá trình sử dụng, ông Lê N coi nói lên diện tích 198,9m². Khi đăng ký theo Nghị định số 60/CP năm 1998, phê duyệt năm 2000 thì diện tích đất được cấp cho hộ ông Lê N là 198,9m². Khi thanh tra lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê N và bà Nguyễn Thị P1 thì phát hiện có sự chồng lấn một phần diện tích đã giao cho hộ liền kề ông Nguyễn Tấn C nên UBND thị xã H (nay là thành phố H), ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N. Theo đó, UBND thị xã H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 134,3m² loại đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài (sau khi thu hồi và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường đã thực hiện việc chỉnh lý biến động trong hồ sơ địa chính của hộ ông Lê N).

Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn C thì ông Lê N là hộ liền kề cũng có ký tứ cận.

Tại phiên đối thoại, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND tỉnh Q trình bày:

Ông Lê N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần hai) là không có cơ sở pháp lý, bởi vì:

Hộ ông Lê N thuộc đối tượng sử dụng đất di dời do sạt lở, UBND phường C, thành phố H, phối hợp với Phòng địa chính (nay là Phòng T) thành phố H, lập biên bản cắm mốc giao đất tái định cư ngày 10/11/1997 thửa đất số 5, diện tích 84m². Như vậy diện tích hộ ông Lê N được sử dụng là 84m².

- Năm 2000, hộ ông Lê N làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/5/2001, Hội đồng xét giao đất phường C, thành phố H xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 96 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường, trong đó có hộ ông Lê N. Kết quả họp không thống nhất xét giao đất cho hộ ông Lê N vì không đủ điều kiện giao đất theo tinh thần Quyết định số 2312/QĐ-UB ngày 01/12/1997 của UBND tỉnh (do thừa diện tích quá 10% so với hồ sơ gốc).

- Ngày 12/12/2005, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 198,9m² loại đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã H là không đảm bảo quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất của hộ ông Lê N, lý do:

+ Diện tích 198,9m² đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N có 64,6m² đất mà UBND tỉnh đã giao cho ông Nguyễn Tấn C tại Quyết định số 5712/QĐ-UB ngày 25/12/2003.

+ UBND thị xã H đã căn cứ theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000; trong khi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 đã được Hội đồng giao đất phường C họp xét không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất theo tinh thần Quyết định số 2312/QĐ-UB ngày 01/12/1997 của UBND tỉnh (do thừa diện tích quá 10% so với hồ sơ gốc).

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 thì việc UBND thị xã H ban hành Quyết định số 22/QĐUBND ngày 18/01/2007 thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N là đúng quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất của hộ ông Lê N.

Từ những nội dung trên, khẳng định Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần hai) là đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh bác nội dung khởi kiện của ông Lê N đối với yêu cầu hủy Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; khoản 1 Mục III Thông tư 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ T; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê N về việc: Hủy Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần hai); hủy Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu); hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2023, ông Lê N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Lê N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện Luật sư Phạm Văn N1 trình bày: Biên bản giao đất năm 1997 diện tích 84m² của UBND phường C là không hợp pháp, sau khi được giao đất ông Lê N đã làm nhà ở và đóng thuế kê khai diện tích đất 198,9m²; đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Lê N, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm như sau: Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê N là đúng pháp luật; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê N, thấy:

[1.1] Hộ gia đình ông Lê N thuộc đối tượng sử dụng đất di dời do sạt lở năm 1997. Nguồn gốc thửa đất tại vị trí ông Lê N được giao theo Sổ Mục kê và bản đồ đo đạc ngày 15/01/1992 do Xí nghiệp xây dựng kê khai tại thửa 353, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.134m² (BL 197-198). Tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 05/8/2000 của ông Lê N (BL

200), Đơn đăng ký nhà ở và đất ở năm 2000 (BL 201) ông Lê N xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 198,9m² đất ở, có nguồn gốc sử dụng: “di dời theo chủ trương 1997” (BL 205-206). Tại biên bản về việc giao đất tái định cư cho hộ gia đình cá nhân cho hộ ông Lê N thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, tại tổ E, khu phố B, phường C ngày 10/11/1997 (BL 165), hộ ông Lê N được giao lô số 05 là 84m². Như vậy diện tích hộ ông Lê N được giao và được quyền sử dụng khi thực hiện chủ trương di dời khỏi khu vực đất sạt lở năm 1997 là 84m². Tháng 12/1997, hộ ông N tiến hành xây dựng nhà ở. Ngày 12/12/2005, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 198,9m² loại đất ở đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài. Ngày 18/01/2007, UBND thị xã H ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND thu hồi và cấp lại GCNQSD đất mới cho hộ ông Lê N: Thu hồi GCNQSD đất có số phát hành AD 399551, số vào sổ H 00201 đã cấp cho ông Lê N và bà Nguyễn Thị P1 ngày 12/12/2005, lý do là diện tích đất ghi trong GCNQSD đất trùng với diện tích đã giao cho hộ sử dụng đất liền kề. Đồng thời, UBND thị xã H cấp lại GCNQSD đất số AD 751814 cho ông Lê N và bà Nguyễn Thị P1 (chết) thửa 19, tờ bản đồ số 33, diện tích 134,3m², loại đất đô thị. Vì trong tổng diện tích đất 198,9m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N có 64,6m² đất mà UBND tỉnh đã giao cho ông Nguyễn Tân C tại Quyết định số 5712/QĐ-UB ngày 25/12/2003; Mặt khác, theo hồ sơ giao đất theo chủ trương di dời khu vực đất sạt lở năm 1997 thì diện tích đất hộ ông Lê N được giao là 84m². Do đó, Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND thị xã H (nay là thành phố H) thu hồi GCNQSD đất cấp ngày 12/12/2005 cho hộ ông Lê N và cấp lại GCNQSD đất mới là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định về đình chính, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khoản 1 Mục III Thông tư 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ T là có căn cứ.

[1.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu) và Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N, trú tại tổ E, khối phố B, phường C, thị xã H (lần hai) thì thấy: Do UBND thị xã H ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N là đúng quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất của hộ ông Lê N nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) cho ông Lê N là đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Lê N, đúng quy định pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Lê N là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm người khởi kiện

ông Lê N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Người khởi kiện ông Lê N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê N và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê N về việc: Hủy Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần hai); hủy Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê N (lần đầu); hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là UBND thành phố H) về việc thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê N.

2. Về án phí hành chính:

Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Lê N được miễn nộp.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Lê N được miễn nộp.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn